



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học chính quy - Đợt tháng 09/2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng
Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng
Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014 của Giám đốc
Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học
chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học
viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn,
chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng xét tốt
nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 69 (Sáu mươi chín) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh,
24 (Hai mươi bốn) bằng Kỹ sư Quản lý hoạt động bay, 29 (Hai mươi chín) bằng Kỹ sư
Kỹ thuật Hàng không cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Đại học chính quy Đợt
tháng 09/2023 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn
vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi
hành quyết định này.

Nơi nhận:

-Như điều 2;

-Lưu VT,ĐT



TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - ĐỢT THÁNG 09/2023**

(Đính kèm quyết định số: 915/QĐ-HVHKVN ngày 26/09/2023)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1751200040	Trần Thanh	Tùng	06/03/1999	17ĐHKT01	2.78	Khá	Kỹ thuật Hàng không
2	1851200037	Đào Duy	Anh	01/11/2000	18ĐHKT01	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Hàng không
3	1851200042	Phan Nguyễn Hòa	Đức	03/09/2000	18ĐHKT01	2.5	Khá	Kỹ thuật Hàng không
4	1851200038	Lê Long	Hồ	11/11/2000	18ĐHKT01	2.95	Khá	Kỹ thuật Hàng không
5	1851200050	Ly	Mengsea	05/04/1996	18ĐHKT01	2.4	Trung bình	Kỹ thuật Hàng không
6	1851200039	Cổ Thị Cẩm	Nhung	16/10/2000	18ĐHKT01	2.61	Khá	Kỹ thuật Hàng không
7	1851200035	Nguyễn Văn	Si	17/08/2000	18ĐHKT01	3	Khá	Kỹ thuật Hàng không
8	1851200052	Niphaphone	Tangpanya	22/08/1998	18ĐHKT01	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Hàng không
9	1951200006	Phan Thế	Anh	12/09/2001	19ĐHKT01	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
10	1951200013	Phạm Quang	Duy	06/02/2001	19ĐHKT01	3.14	Khá	Kỹ thuật Hàng không
11	1951200010	Nguyễn Hoàng Thiên	Hậu	02/01/2001	19ĐHKT01	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
12	1951200031	Trần Minh	Hùng	11/03/2001	19ĐHKT01	3.06	Khá	Kỹ thuật Hàng không
13	1951200024	Nguyễn Nhật Hải	Hưng	22/11/2001	19ĐHKT01	2.85	Khá	Kỹ thuật Hàng không
14	1951200015	Văn Đình Bảo	Khang	04/01/2001	19ĐHKT01	3.01	Khá	Kỹ thuật Hàng không
15	1951200022	Đặng Ngọc Duy	Khánh	12/12/2001	19ĐHKT01	2.79	Khá	Kỹ thuật Hàng không
16	1951200019	Nguyễn Đăng	Khoa	28/12/2001	19ĐHKT01	3.65	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
17	1951200027	Lê Duy	Khương	10/05/2001	19ĐHKT01	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
18	1951200037	Nguyễn Thị	Long	17/06/2001	19ĐHKT01	3.52	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
19	1951200026	Lục Trí	Minh	17/07/2001	19ĐHKT01	3.03	Khá	Kỹ thuật Hàng không
20	1951200039	Ngô Trúc	Quân	10/08/2001	19ĐHKT01	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
21	1951200018	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	19/11/2001	19ĐHKT01	3.59	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
22	1951200011	Trần Nguyễn Quốc	Thịnh	28/07/2001	19ĐHKT01	3.4	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
23	1951200025	Nguyễn Ngọc	Thọ	28/01/2001	19ĐHKT01	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
24	1951200034	Huỳnh Châu Chí	Thuận	03/06/2001	19ĐHKT01	3.42	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
25	1951200009	Nguyễn Văn	Thức	13/01/2001	19ĐHKT01	2.77	Khá	Kỹ thuật Hàng không

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
26	1951200020	Lê Thị	Thương	11/05/2001	19ĐHKHT01	3.68	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
27	1951200044	Trần Thị Huyền	Trâm	21/05/2001	19ĐHKHT01	3.28	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
28	1951200005	Phan Đình Quốc	Việt	07/02/2001	19ĐHKHT01	3.27	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
29	1951200028	Quách Hữu	Vinh	09/08/2001	19ĐHKHT01	3.5	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
30	1856060039	Lê Trọng	Hải	03/07/2000	18ĐHKHL01	3.34	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
31	1856060025	Lê Huy	Lưu	22/11/2000	18ĐHKHL01	3.09	Khá	Quản lý hoạt động bay
32	1856060004	Trần Thành	Lưu	05/02/2000	18ĐHKHL01	2.86	Khá	Quản lý hoạt động bay
33	1856060047	Đỗ Tiến	Phát	03/07/2000	18ĐHKHL01	2.71	Khá	Quản lý hoạt động bay
34	1836060010	Nguyễn Quý	Dũng	03/10/1994	18ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.15	Khá	Quản lý hoạt động bay
35	2036060052	Bùi Ngọc	Anh	29/10/1978	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	2.96	Khá	Quản lý hoạt động bay
36	2036060020	Đoàn Ngọc	Anh	15/10/1984	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.05	Khá	Quản lý hoạt động bay
37	2036060031	Hà Thị Quỳnh	Anh	05/07/1988	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.01	Khá	Quản lý hoạt động bay
38	2036060036	Đoàn Đức	Bình	28/05/1994	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.13	Khá	Quản lý hoạt động bay
39	2036060022	Hoàng Linh	Chi	22/02/1993	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.15	Khá	Quản lý hoạt động bay
40	2036060029	Nguyễn Thị Kim	Chi	31/05/1987	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.16	Khá	Quản lý hoạt động bay
41	2036060025	Nguyễn Hùng	Cường	24/02/1986	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.38	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
42	2036060011	Phạm Mạnh	Cường	05/05/1993	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.33	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
43	2036060032	Đinh Thùy	Dung	26/09/1986	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.3	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
44	2036060013	Dương Thị Kim	Dung	02/05/1986	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.47	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
45	2036060028	Phạm Thị Kim	Hương	03/12/1987	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.04	Khá	Quản lý hoạt động bay
46	2036060040	Nguyễn Vũ Thảo	Ly	01/07/1990	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	2.94	Khá	Quản lý hoạt động bay



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
47	2036060001	Nguyễn Ngọc Hải	Nhân	07/06/1983	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.12	Khá	Quản lý hoạt động bay
48	2036060038	Vũ Thị	Quỳnh	29/12/1991	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	2.87	Khá	Quản lý hoạt động bay
49	2036060039	Bùi Tuấn	Son	27/10/1988	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.03	Khá	Quản lý hoạt động bay
50	2036060009	Đặng Văn	Thái	28/08/1970	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.43	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
51	2036060023	Vũ Chí	Trung	05/10/1991	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.21	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
52	2036060035	Đinh Lâm	Tuấn	08/04/1989	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.15	Khá	Quản lý hoạt động bay
53	2036060005	Nguyễn Anh	Tuấn	11/03/1982	20ĐVKL01- Quản lý hoạt động bay	3.04	Khá	Quản lý hoạt động bay
54	1751010035	Trương Nguyễn Chí	Hiếu	15/02/1999	17ĐHQTDL	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
55	1751010149	Đoàn Ngọc Hạ	Uyên	06/06/1999	17ĐHQTVT1	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
56	1751010233	Lê Ngọc Thảo	Hương	05/08/1999	17ĐHQTVT2	2.23	Trung bình	Quản trị kinh doanh
57	1751010286	Nguyễn Kim	Hương	04/06/1999	17ĐHQTVT3	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
58	1731010021	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	31/05/1995	17ĐVQT01 - Quản trị kinh doanh VLVH	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
59	1731010014	Nguyễn Ngọc Thuý	Dung	30/11/1984	17ĐVQT01 - Quản trị kinh doanh VLVH	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
60	1731010015	Thái Ngọc Lan	Thảo	11/12/1985	17ĐVQT01 - Quản trị kinh doanh VLVH	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh
61	1851010064	Kim Ngọc	Nam	05/10/2000	18ĐHQTC1	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh
62	1851010035	Phan Nguyễn Lâm	Phương	09/04/2000	18ĐHQTC1	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
63	1851010179	Huỳnh Trần Như	Ý	23/08/2000	18ĐHQTC1	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
64	1851010284	Dương Tử	Thành	15/07/2000	18ĐHQTC2	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
65	1851010141	Nguyễn Thị Phương	Nga	02/04/2000	18ĐHQTVT2	3.33	Giỏi	Quản trị kinh doanh
66	1851010075	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	06/06/2000	18ĐHQTVT2	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
67	1851010069	Bùi Thị Hoàng	Yến	01/11/2000	18ĐHQTVT2	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
68	1851010199	Lê Chí Tuấn	Anh	28/01/2000	18ĐHQTVT3	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
69	1851010157	Huỳnh Thị Thùy	Dương	16/10/2000	18ĐHQTVT3	2.75	Khá	Quản trị kinh doanh
70	1851010164	Nguyễn Thị Ngân	Hà	25/01/2000	18ĐHQTVT3	3.26	Giỏi	Quản trị kinh doanh
71	1851010224	Vũ Bích	Hào	13/03/2000	18ĐHQTVT3	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh
72	1851010192	Cao Thị	Hương	02/02/2000	18ĐHQTVT3	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
73	1851010229	Đỗ Thùy	Linh	30/12/2000	18ĐHQTVT3	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
74	1951010102	Trần Thanh	Hoài	17/09/2001	19ĐHQTC1	2.5	Khá	Quản trị kinh doanh
75	1951010239	Nguyễn Trần Bảo	My	10/03/2001	19ĐHQTDL	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
76	1951010096	Vũ Hà Mẫn	Nhi	01/08/2001	19ĐHQTDL	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
77	1951010048	Nguyễn Bảo	Quyên	29/12/2001	19ĐHQTDL	3.01	Khá	Quản trị kinh doanh
78	1951010332	Lê Thị	Quỳnh	24/01/2001	19ĐHQTDL	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
79	1951010121	Lê Thị Cẩm	Tú	16/08/2001	19ĐHQTDL	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
80	1951010235	Đinh Bảo	Vy	25/05/2001	19ĐHQTDL	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
81	1951010221	Nguyễn Thị Dạ	Thanh	12/11/2001	19ĐHQTTTH1	3.16	Khá	Quản trị kinh doanh
82	1951010092	Đỗ Đông	Nghi	03/01/2001	19ĐHQTTTH2	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
83	1951010082	Phó Thị Hồng	Nhung	04/11/2001	19ĐHQTTTH2	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
84	1951010023	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	21/02/2001	19ĐHQTTTH2	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh
85	1951010131	Võ Thị Hà	Tiên	20/03/2001	19ĐHQTTTH2	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
86	1951010085	Nguyễn Cát	Tường	28/09/2001	19ĐHQTTTH2	3.12	Khá	Quản trị kinh doanh
87	1951010152	Trần Ngọc	Hạnh	22/03/2001	19ĐHQTVT1	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
88	1951010150	Tạ Ngọc	Linh	11/12/2001	19ĐHQTVT1	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
89	1951010112	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	05/09/2001	19ĐHQTVT1	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
90	1951010067	Nguyễn Diễm	Quỳnh	16/05/2001	19ĐHQTVT1	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
91	1951010113	Đặng Thị Ngọc	Trinh	05/03/2001	19ĐHQTVT1	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
92	1951010215	Trương Ngọc	Bích	14/03/2001	19ĐHQTVT2	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
93	1951010214	Trần Quốc	Hung	17/02/2000	19ĐHQTVT2	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh
94	1951010177	Nguyễn Thị	Lâm	11/01/2001	19ĐHQTVT2	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
95	1951010168	Nông Thị	Nam	01/05/2001	19ĐHQTVT2	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
96	1951010323	Võ Mỹ	Linh	06/11/2001	19ĐHQTVT3	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
97	1951010261	Điền Thị	Lý	20/03/2000	19ĐHQTVT3	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
98	1951010352	Trần Thị Mộng	Nghi	06/01/2001	19ĐHQTVT3	3.05	Khá	Quản trị kinh doanh
99	1951010287	Nguyễn Thị Minh	Thùy	20/09/2001	19ĐHQTVT3	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
100	1951010259	Lê Thị Mộng	Uyên	24/06/2001	19ĐHQTVT3	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
101	1651010204	Trần Trà	My	16/06/1998	QTDL1-K10	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
102	1651010281	Võ Đông	Nhi	25/12/1998	QTDL1-K10	2.48	Trung bình	Quản trị kinh doanh
103	1651010254	Trần Bảo	Tâm	03/11/1995	QTDL1-K10	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
104	1551010120	Lê Thanh	Linh	02/12/1997	QTDL1-K9	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh
105	1551010137	Đinh Thị Ngọc	Thúy	06/06/1997	QTDL1-K9	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
106	1551010032	Phạm Nguyễn Bảo	Quốc	10/09/1997	QTDL2-K9	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
107	1551010226	Tô Thị Hoài	Thương	14/03/1997	QTKDCHK1-K9	2.08	Trung bình	Quản trị kinh doanh
108	1551010139	Cao Thanh	Tú	26/04/1997	QTKDCHK1-K9	2.11	Trung bình	Quản trị kinh doanh
109	1551010323	Trần Thị Thương	Huyền	05/03/1995	QTKDCHK2-K9	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
110	1551010496	Đặng Ngọc	Quý	20/08/1996	QTKDCHK3-K9	2.28	Trung bình	Quản trị kinh doanh
111	1551010523	Trần Hồng Mỹ	Trình	26/10/1997	QTKDCHK3-K9	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
112	1451010436	Trần Thụy Quế	Minh	05/10/1995	QTKDCHK-K10	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh
113	1651010227	Trịnh Thị Minh	Ngọc	24/04/1998	QTKDCHK-K10	2.11	Trung bình	Quản trị kinh doanh
114	1651010122	Trần Thị Kiều	Mi	24/02/1997	QTKDTH1-K10	2.19	Trung bình	Quản trị kinh doanh
115	1651010507	Nguyễn Thị Lệ	Hào	10/06/1998	QTKDTH2-K10	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
116	1651010491	Nguyễn Văn	Huyền	18/09/1997	QTKDTH2-K10	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
117	1651010094	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/04/1998	QTKDTH2-K10	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
118	1551010118	Trần Xuân	Giang	05/01/1997	QTKDVTHK1-K9	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
119	1651010203	Hoàng Minh	Huy	18/03/1998	QTKDVTHK2-K10	2.43	Trung bình	Quản trị kinh doanh
120	1651010383	Trần Đăng	Hường	03/04/1996	QTKDVTHK3-K10	2.66	Khá	Quản trị kinh doanh
121	1551010053	Phạm Ngọc Huy	Hoàng	02/10/1997	QTKDVTHK4-K9	2.04	Trung bình	Quản trị kinh doanh
122	1651010085	Hoàng Bảo	Anh	25/03/1998	QTKDVTHK5-K10	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có 122 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.